

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CHO TỪNG CƠ QUAN ĐƠN VỊ NĂM 2025 (ĐỢT 2)

Đơn vị: đồng

| STT | TÊN ĐƠN VỊ | TỔNG SỐ | CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC | CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC | CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH | CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG | CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG | | | CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN |
|----------|---|----------------------|--|---|------------------------|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------|----------------------------|
| | | | | | | | TỔNG SỐ | CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN | CHI THƯỜNG XUYÊN | |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| | TỔNG SỐ | 3.462.339.493 | 534.435.663 | 2.927.903.830 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 1 | Chi quốc phòng | 33.600.000 | 0 | 33.600.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | Văn phòng HĐND&UBND | 33.600.000 | 0 | 33.600.000 | | | 0 | | | |
| 2 | Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội | 165.540.000 | 0 | 165.540.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | Văn phòng HĐND&UBND | 165.540.000 | 0 | 165.540.000 | | | 0 | | | |
| 3 | Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề | 74.000.000 | 0 | 74.000.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | MN Bình Hòa | 0 | 0 | 0 | | | 0 | | | |
| | MN Bình Lợi | 0 | | | | | 0 | | | |
| | MN Tân Bình | 0 | | 0 | | | 0 | | | |
| | MN Thanh Phú | 0 | | 0 | | | 0 | | | |
| | MN Họa Mĩ | 0 | | 0 | | | 0 | | | |
| | MN Tân Phong | 0 | | | | | | | | |
| | MN Tân Phong 2 | 0 | | 0 | | | 0 | | | |
| | TH Bình Hòa | 0 | | 0 | | | 0 | | | |
| | TH Bình Lợi | 0 | | 0 | | | 0 | | | |
| | TH Thanh Phú | 0 | | 0 | | | 0 | | | |
| | TH Tân Phú | 0 | | 0 | | | 0 | | | |
| | TH Tân Triều | 0 | | 0 | | | 0 | | | |
| | TH Chu Văn An | 0 | | 0 | | | 0 | | | |
| | TH Tân Phong 1 | 0 | | 0 | | | 0 | | | |
| | TH Tân Phong 2 | 0 | | 0 | | | 0 | | | |
| | TH Phan Chu Trinh | 0 | | 0 | | | 0 | | | |
| | THCS Tân Phong | 0 | 0 | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | THCS Thanh Phú | 74.000.000 | 0 | 74.000.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | THCS Võ trường Toàn | 0 | | 0 | | | 0 | | | |
| | Phòng Văn Hóa - Xã Hội | 0 | | 0 | | | 0 | | | |
| 4 | Chi Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

| STT | TÊN ĐƠN VỊ | TỔNG SỐ | CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC | CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC | CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH | CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG | CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG | | | CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN |
|------------|---|----------------------|--|---|------------------------|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------|----------------------------|
| | | | | | | | TỔNG SỐ | CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN | CHI THƯỜNG XUYÊN | |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| | Trung Tâm phục vụ hành chính công | 0 | | | | | 0 | | | |
| | Phòng Văn Hóa - Xã Hội | 0 | | | | | 0 | | | |
| 5 | Chi Y tế, dân số và gia đình | 54.000.000 | 0 | 54.000.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | Phòng Văn Hóa - Xã Hội | 0 | | | | | 0 | | | |
| | Trạm y tế | 54.000.000 | | 54.000.000 | | | | | | |
| 6 | Chi Văn hóa thông tin | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | Trung Tâm dịch vụ tổng hợp | 0 | | | | | | | | |
| | Phòng Văn Hóa - Xã Hội | 0 | | | | | | | | |
| 7 | Chi Phát thanh, truyền hình | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | Trung Tâm dịch vụ tổng hợp | 0 | | | | | | | | |
| | Phòng Văn Hóa - Xã Hội | 0 | | | | | | | | |
| 8 | Chi Thể dục thể thao | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | Trung Tâm dịch vụ tổng hợp | 0 | | 0 | | | | | | |
| | Phòng Văn Hóa - Xã Hội | 0 | | | | | | | | |
| 9 | Chi Bảo vệ môi trường | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | Phòng Kinh tế hạ tầng và Đô thị | 0 | | | | | | | | |
| 10 | Chi các hoạt động kinh tế | 3.135.199.493 | 534.435.663 | 2.600.763.830 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| b.1 | Sự nghiệp KTTC | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | Phòng Kinh tế hạ tầng và Đô thị | 0 | | | | | | | | |
| b.2 | Sự nghiệp NN | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | Phòng Kinh tế hạ tầng và Đô thị | 0 | | | | | | | | |
| b.3 | Sự nghiệp Kinh tế khác | 3.135.199.493 | 534.435.663 | 2.600.763.830 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | Phòng Kinh tế hạ tầng và Đô thị | 164.856.830 | | 164.856.830 | | | | | | |
| | Trung Tâm dịch vụ tổng hợp | 2.970.342.663 | 534.435.663 | 2.435.907.000 | | | | | | |
| 11 | Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể | 0 | | 0 | | | | | | |
| | Mặt trận TQVN | 0 | | | | | 0 | | | |
| | Văn phòng HĐND&UBND | 0 | | | | | 0 | | | |
| | Phòng Kinh tế hạ tầng và Đô thị | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | Phòng Văn Hóa - Xã hội | 0 | | 0 | | | | | | |
| | Trung Tâm phục vụ hành chính công | 0 | | 0 | | | | | | |
| | Văn phòng Đảng Ủy | 0 | | 0 | | | | | | |
| 12 | Chi Bảo đảm xã hội | 0 | | 0 | | | | | | |
| | Phòng Văn Hóa - Xã hội | 0 | | 0 | | | | | | |

| STT | TÊN ĐƠN VỊ | TỔNG SỐ | CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KÊ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC | CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KÊ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC | CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH | CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG | CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG | | | CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN |
|-----|--|---------|---|--|---------------------------------|---|--------------------------|--------------------------------|------------------------|--|
| | | | | | | | TỔNG SỐ | CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN | CHI THƯỜNG XUYÊN | |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| | Phòng Kinh tế hạ tầng và Đô thị | | | | | | | | | |
| 13 | Chi ngành, lĩnh vực khác | 0 | | 0 | | | | | | |
| IX | CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU | 0 | | | | | 0 | | | |
| X | CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU | 0 | | 0 | | | 0 | | | |